

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 647/2022/HC-PT
Ngày 17 tháng 8 năm 2022

V/v “*Khiếu kiện hủy Quyết định
hành chính*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Nhật Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 319/2021/TLPT-HC ngày 01 tháng 6 năm 2021 “*Khiếu kiện hủy Quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 960/2022/QĐPT-HC ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: **Nguyễn Thị Ngọc Y**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Số 20/5 hẻm 5 Nguyễn Thị T, Khu phố 4, Phường 10, thành phố M, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Minh N và Luật sư Nguyễn H ThiênK - Công ty Luật TNHH T (có mặt)

Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T;

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thành C, chức vụ: Chủ tịch

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T; (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 37 đường H, Phường 7, thành phố M, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND và Chủ tịch UBND thành phố M, tỉnh T: Bà Phạm Thị Trúc H – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M (có mặt)

3/ Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M, tỉnh T

Đại diện theo pháp luật: Lâm Văn V, chức vụ: Chủ tịch

4/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M, tỉnh T. (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, Phường 10, thành phố M, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND và Chủ tịch UBND phường 10, thành phố M, tỉnh T bà Nguyễn Thị Thiên N– Công chức địa chính UBND Phường 10 (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Hồ Minh Nghĩa, sinh năm 1959; (có mặt)

2/ Hồ Minh Nhân, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 20/5 hẻm 5 Nguyễn Thị T, Khu phố 4, Phường 10, thành phố M, tỉnh T.

Người kháng cáo: người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày:*

Năm 1993 thì bà có chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn N diện tích đất 871,2 m² thuộc thửa số 28 tờ bản đồ số 867 đất tọa lạc tại khu phố 4 phường 10 thành phố M, tỉnh T bà được UBND Thành phố M cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số 1725 QSDĐ/UB ngày 25/7/1997. Phần đất này có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị B, bà B chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N, ông N chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn N. Khi ông N chuyển nhượng đất cho bà thì đã có lỗi đi trong liếp đất nằm ngoài hàng rào dâm bụt. Năm 2000 bà có tranh chấp ranh đất với bà Đoàn Thúy N đã được Tòa án nhân dân tỉnh T giải quyết tại bản án dân sự phúc thẩm số: 188/DSPT ngày 26 tháng 6 năm 2000 có kiến nghị UBND thành phố M thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà cấp lại đúng diện tích sử dụng nhưng UBND Thành phố M lúc bấy giờ không chấp thuận thu hồi thay đổi chủ quyền hợp pháp cho bà.

Sau khi bản án có hiệu lực vợ chồng bà Đoàn Thúy N có làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đem hồ sơ cho bà ký giáp ranh bà không đồng ý ký vì không đúng ranh giữa hai bên, mà không biết UBND xã T dựa trên cơ sở pháp luật nào xác nhận chuyển cho UBND Thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà chồng lần lên diện tích đất bà và còn cho là giáp đường đi công cộng hoàn toàn không đúng thực địa.

Năm 2004 bà có chuyển nhượng cho bà Lê Thị Thanh N diện tích 91,76 m² và năm 2006 chuyển nhượng cho bà Phan Thị H diện tích 11,69 m² có ghi thay đổi diện tích sử dụng sang cho bà N và bà H phía sau giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sơ đồ có thể hiện đường đi mục đích là để xác định vị trí tiếp giáp, cơ quan chức năng qui định khi tách thửa chuyển nhượng phải có cơ sở hạ tầng là đường đi mới chấp thuận làm thủ tục chuyển nhượng được, đường đi qua đất bà chỉ có một phần nhỏ diện tích trong một liếp đất, bà và các hộ xung quanh cùng rào bằng cách trồng cây dâm bụt, Nay bà rào lại bằng lưới B40 giáp đường đi.

Năm 2018 UBND Phường 10 có chủ trương làm con đường liên tổ 14,15 khu phố 4 phường 10, thành phố M mở rộng đường theo hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm có kết hợp với khu phố 4 họp lấy ý kiến dân nhiều lần nhưng bà không đồng thuận bởi vì hầu như bà không có việc đi lại trên con đường mở rộng này đồng thời bà phải bỏ ra một số lượng diện tích đất quá nhiều, bị thiệt hại kinh tế quá lớn so với mọi người. Nhưng UBND phường 10 vẫn tiến hành thi công mặt đường 3m.

Ngày 28 tháng 9 năm 2019 bà có gửi đơn đến UBND phường 10 yêu cầu hỗ trợ, bồi thường cho bà 300.000.000 đồng. Ngày 17/02/2020 Chủ tịch UBND phường 10 ban hành quyết định số 42/QĐ – UBND không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà, bà không đồng ý nên khiếu nại đến UBND thành phố M ngày 27 tháng 5 năm 2020 Chủ tịch UBND thành phố M quyết định số 2843/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND phường 10 là bác đơn khiếu nại của bà để không phải hỗ trợ bồi thường

khi thu hồi đất, gây ra qua nhiều thiệt hại tổn thất về vật chất lẫn tinh thần cho bà và gia đình bà. Nay bà khởi kiện Ngọc Yêu cầu yêu cầu các nội dung gồm:

+ Hủy Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T.

+ Hủy Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M, tỉnh T.

+ Buộc Ủy ban Phường 10, Ủy ban thành phố M bồi thường thiệt hại vì đã tự ý cưỡng chế đất của bà trong thời gian qua tổng cộng 1.101.360.000 đồng.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND Phường 10, Ủy ban nhân dân Phường 10 thành phố M trình bày tại văn bản số 197 ngày 25/11/2020 như sau:*

1. Đối với phần đất của bà Nguyễn Thị Ngọc Y đang sử dụng tại khu phố 4 phường 10 có nguồn gốc: ông Nguyễn Văn N nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn N năm 1992 (có biên bản về việc đo đạc ranh giới quyền sử dụng) trên bản vẽ có thể hiện hiện trạng đường đi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận. Đến năm 1993 ông N chuyển nhượng lại cho bà Y phần đất trên tiếp tục sử dụng và được cấp giấy chứng nhận QSD đất số 1725/QSDĐ/UB ngày 25/7/1997. Diện tích 871,0m² tờ bản đồ 867 thửa 28. Thời điểm làm hồ sơ cấp giấy thiếu chữ ký giáp ranh của gia đình bà Đoàn Thúy N (bà Đoàn Thị Hương đã chết năm 1985).

Theo bộ 299 TBĐ số 867 thửa 28 do bà Nguyễn Thị B đăng ký kê khai diện tích 735m².

- Trong quá trình sử dụng bà Y có phát sinh tranh chấp với bà Đoàn Thúy N đã được tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo bản án số 188/DSPT ngày 26/6/2000. Tòa án bác yêu cầu đòi lại đất của bà Y, đồng thời đề nghị UBND TP M rút giấy chứng nhận QSDĐ của bà Y để điều chỉnh lại diện tích trên giấy chứng nhận. Từ khi bản án có hiệu lực đến nay việc điều chỉnh lại giấy chứng nhận của bà Y vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm giải quyết tranh chấp Tòa án không đo đạc thực tế mà căn cứ vào diện tích kê khai của bộ 299.

Sau khi bản án có hiệu lực ngày 28/6/2000 bà Đoàn Thúy N thực hiện việc đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên biên bản đo đạc xác định ranh giới diện tích đất thể hiện không có giáp ranh với bà Nguyễn Thị Ngọc Y mà giáp với đường đi +1/2 mương là 4,2m được UBND xã T xác nhận ngày 08/8/2000 đồng thời đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

2. Vào thời điểm năm 2000 thực hiện đo đạc thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở tài nguyên và Môi trường đo đạc,

đồng thời thực hiện việc cấp giấy đồng loạt đối với hộ dân và cấp đổi lại giấy đối với những trường hợp cấp giấy vào năm 1995 thời điểm đo đạc có các tứ cận xác định ranh giới mốc giới được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận năm 2004. Ranh đất của bà Ngọc Y được xác định: cấp ranh đường đi rồi tới ranh đất của bà Đoàn Thúy N với diện tích đo đạc thực tế là 579,5m² thuộc TBĐ số 16 thửa 206. Hiện trạng ranh đất của bà Ngọc Y đã được bà xây dựng hàng rào lưới B40. Vào thời điểm này là bà Y đang tranh chấp với bà Đoàn Thúy N nên bà Y không đến UBND xã T để kê khai cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Việc rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Ngọc Y để điều chỉnh lại diện tích theo bản án số 188/DSPT ngày 26/6/2000 chưa được Ủy ban nhân dân thành phố M thực hiện.

Đến tháng 4 năm 2004 bà Y thực hiện việc tách thửa chuyển nhượng cho bà Lê Thị Thanh N một phần diện tích 91,76m² tứ cận được thể hiện hướng Đông và hướng Bắc giáp đường công cộng, hướng Tây giáp Nguyễn Thị Ht, hướng Nam giáp phần còn lại của bà Ngọc Y và có chữ ký xác nhận của bà Y trong biên bản đo đạc xác định ranh giới diện tích thửa đất. Đến tháng 5 năm 2006 bà Ngọc Y tiếp tục tách thửa chuyển nhượng một phần đất cho bà Phan Thị H với diện tích 11,69m² có tứ cận hướng Đông giáp đường đi công cộng 3m, hướng Tây giáp bà Nguyễn Thị Ht, hướng Bắc giáp phần còn lại của bà Ngọc Y, hướng Nam giáp với bà Phan Thị H. Tổng diện tích đo đạc tách thửa và diện tích còn lại thực tế của bà Ngọc Y trùng khớp với diện tích và hiện trạng ranh đất của bà Y khi trung tâm đo đạc bản đồ đo đạc thành lập bản đồ địa chính chính qui được phê duyệt vào năm 2004.

4. Ủy ban nhân dân phường 10 thực hiện nâng cấp và bê tông hóa đường, cống tổ 14+15 khu phố 4 có tiếp giáp với thửa đất của bà Ngọc Y. Các bước thực hiện công trình như sau:

Ủy ban nhân dân phường 10 có Kế hoạch thực hiện công tác xây dựng cơ bản trên địa bàn phường 10 năm 2019. Công trình đường + cống tổ 14+15 khu phố 4 có ảnh hưởng đến 32 hộ dân trên tuY đường này trong đó có gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc Y, là công trình do nhà nước và nhân dân cùng làm. Khi thực hiện công trình đường + cống có tổ chức họp dân lấy ý kiến 02 lần chỉ có 02 hộ không đồng ý thực hiện công trình và không đồng ý đóng góp trong đó có bà Nguyễn Thị Ngọc Y. Lần thứ ba tổ chức họp dân triển khai thực hiện công trình gia đình bà không tham dự, người dân cung cấp con đường này đã có từ hơn một trăm năm nay trước khi gia đình bà Ngọc Y về sinh sống. Ngoài ra, Phường còn thành lập đoàn vận động đến vận động gia đình nhưng gia đình không đồng ý yêu cầu Ủy ban Phường phải ra quyết định thu hồi đất hoặc đất đổi đất bằng với diện tích phường lấy làm đường. Thiết nghĩ đây là con đường dân sinh, nhu cầu phụ vụ

cho hơn 30 hộ dân trên tuY đường trong đó có gia đình của bà Ngọc Y, do đó việc yêu cầu bồi thường của bà Ngọc Y là không có cơ sở nên Phường không chấp nhận và thực hiện công trình đúng theo bản thiết kế 3m theo hiện trạng không lấn vào ranh đất của hộ dân nào.

Tháng 9 năm 2019 bà Ngọc Y khiếu nại yêu cầu Ủy ban phường bồi thường thiệt hại do công trình gây ra, do không đủ cơ sở chứng minh nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ban hành Quyết định số 42/QĐUBND ngày 17/2/2020 bác yêu cầu khiếu nại của bà Y là hoàn toàn đúng với các quy định của pháp luật hiện hành.

Qua những nội dung trên, Ủy ban nhân dân Phường 10 không thống nhất việc bồi thường đất của bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

* Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố M, Ủy ban nhân dân thành phố M trình bày ý kiến theo Công văn số 6837 ngày 27/11/2020 là không chấp nhận Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

Tại Bản án số 05/2021/HC-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Y yêu cầu hủy Quyết định 42/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M; hủy Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T và yêu cầu UBND phường 10, UBND thành phố M, tỉnh T bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và cây trồng là 1.101.360.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/4/2021, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc Y kháng cáo đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận Yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc Y và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thống nhất vẫn giữ yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Y về việc yêu cầu hủy Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M, tỉnh T; hủy Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M và yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường 10; Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và cây trồng là 1.101.360.000 đồng. Với các lý do: Đất của bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1725 QSDĐ/UB ngày 25/7/1997 diện tích 871,2 m² thuộc thửa số 28 tờ bản đồ số 867 đất tọa lạc tại khu phố 4, Phường 10, thành phố M, tỉnh T. Phần đất này có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị B chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn N, ông N chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn N, ông N chuyển nhượng lại cho bà. Khi ông N chuyển nhượng đất cho bà thì bao gồm cả lối đi chỉ rộng bằng một liếp đất, mặc dù nằm ngoài hàng rào dâm bụt nhưng vẫn thuộc đất của bà. Do đó, Ủy ban nhân dân Phường 10 và Ủy ban nhân dân thành phố M lấy đất của bà để mở rộng làm đường thì phải bồi thường cho bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của bà Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc Y; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Tại phiên tòa phúc thẩm*, những người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt và cử người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ Khoản 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] *Về đối tượng khởi kiện*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y khởi kiện Ngọc Yêu cầu hủy Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T và Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M, tỉnh T, là các quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[1.3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Ngày 20/7/2020, bà Y có đơn khởi kiện Ngọc Yêu cầu hủy Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M và Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a Khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[1.4] *Về thẩm quyền giải quyết*: Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện.

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y có đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M thu hồi đất của gia đình bà để làm đường nhưng không bồi thường cho bà. Ngày 17/02/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M ban hành Quyết định số 42/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần đầu) bác đơn của bà Y. Không đồng ý, ngày 07/3/2020, bà Y tiếp tục khiếu nại. Ngày 27/5/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 2843/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần 2) bác đơn khiếu nại của bà Y, là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại các Điều 17, 18, 27, 28, 29, 30, 31, 33 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] *Xét nguồn gốc đất*:

Phần đất bà Nguyễn Thị Ngọc Y yêu cầu được bồi thường có diện tích 175,5 m² hiện trạng đã được đổ bê tông, thuộc thửa số 28, tờ bản đồ số 867, đất tọa lạc tại khu phố 4, Phường 10, thành phố M, tỉnh T theo Sơ đồ thửa đất kèm

theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T (BL 215, 231).

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc Y cho rằng, nguồn gốc diện tích đất trên là một phần trong tổng diện tích 871,2m² thuộc thửa số 28 tờ bản đồ số 867 có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị B chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn N năm 1985, ông N chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn N năm 1992, sau đó ông N chuyển nhượng lại cho bà Y năm 1993 và bà Y đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1725 QSDĐ/UB ngày 25/7/1997 với diện tích 871,2m² (bao gồm cả phần đường đã bị thu hồi để đổ bê tông làm đường đi công cộng). Người bị kiện thì cho rằng diện tích đất trên là đường đi công cộng đã được hình thành từ lâu, không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Y nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguồn gốc diện tích bà Nguyễn Thị Ngọc Y đang sử dụng là của ông Nguyễn Văn Châu (năm Sáng) em ruột của bà Nguyễn Thị B (ba Lồng) thừa hưởng từ đất hương hỏa. Năm 1985, bà B sang nhượng lại cho ông Nguyễn Văn N. Năm 1992, ông N sang nhượng lại cho ông Nguyễn Văn N. Năm 1993, ông N sang nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y quản lý, sử dụng cho đến nay.

Tại Hồ sơ gốc ở Trung tâm thông tin lưu trữ địa chính tỉnh T, sổ mục kê xác định thửa số 28 do bà Nguyễn Thị B đứng tên đăng ký kê khai với diện tích **735m²**, loại đất quả tạt (BL 149).

Tại Biên bản về việc đo đạc xác định ranh giới quyền sử dụng đất ngày 03/3/1992 (BL263) phục vụ cho việc chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Văn N sang ông Nguyễn Văn N, có sự chứng kiến của đại diện UBND xã T, đại diện Quản lý ruộng đất thành phố M thể hiện diện tích ông N đang sử dụng là **871,2m²** kèm theo là sơ đồ thửa đất thể hiện có con đường đi giữa đất và nằm trong diện tích 871,2m² đất nêu trên.

Tại Tờ trình số 183/QLRĐ ngày 05/3/1992 của Phòng kinh tế Ủy ban nhân dân thành phố M (BL169) thể hiện nội dung: *“Căn cứ đơn xin sang nhượng hoa màu của ông N, đơn xin sử dụng đất của ông N có xác nhận của UBND xã T. Qua xác minh thực tế...vị trí đất tọa lạc tại ấp 2 xã T, thành phố M, thuộc lô 867, thửa số 28, tờ IV, diện tích **871,2m²**, loại đất quả tạt. Đông giáp: Đoàn Thị H; Tây giáp: Nguyễn Thị H; Nam giáp: Nguyễn Thị C; Bắc giáp: Nguyễn Thị T”*.

Tại Tờ trình số 521/QLRĐ ngày 09/6/1993 của Phòng kinh tế Ủy ban nhân dân thành phố M (BL268) thể hiện nội dung: *“Căn cứ đơn xin sang nhượng đất vườn của Nguyễn Văn N ngày 12/3/1993 có ký tên của đương sự cùng các hộ kế cận, có xác nhận của UBND xã T...không tranh chấp... Qua xác minh thực tế...vị*

trí đất tọa lạc tại ấp 2 xã T, thành phố M, thuộc lô 867, thửa số 28, tờ IV, diện tích 871,2m², loại đất quá tạp. Đông giáp: Đoàn Thị H; Tây giáp: Nguyễn Thị H; Nam giáp: Nguyễn Thị C; Bắc giáp: Nguyễn Thị T”.

Như vậy, trong suốt quá trình đăng ký kê khai từ bà Nguyễn Thị B, chuyển nhượng sang ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc Y thì diện tích đất nêu trên đều không có nội dung nào thể hiện giáp đường đi công cộng.

[2.2.2] Về diện tích đất thực tế bà Nguyễn Thị Ngọc Y quản lý, sử dụng

Theo các tài liệu, chứng cứ nêu tại mục [2.2.1] nêu trên đều thể hiện diện tích đất bà Nguyễn Thị Ngọc Y được quyền sử dụng hợp pháp là 871,2m². Thực tế bà Y cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1725 QSDĐ/UB ngày 25/7/1997 với diện tích 871,2m² và cho đến nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Y vẫn có giá trị pháp lý chưa bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ hay điều chỉnh lại theo một diện tích đất nào khác.

Chính tại Bản án dân sự phúc thẩm số 188/DS-PT ngày 26/6/2000 về việc tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Y và bà Đoàn Thúy N (BL 131) cũng nhận định: *“tại hồ sơ gốc ở trung tâm thông tin lưu trữ Địa chính tỉnh T xác định thửa số 28 do bà Nguyễn Thị B đứng tên là 735m² và địa chính xã cũng xác nhận thửa 28 cũng là 735m² chứ không phải là 871m²; như vậy khi ông bà B sang cho ông N, ông N sang cho ông N, ông N sang cho chị Y phải là 735m² mới phù hợp với hồ sơ gốc”.*

Tuy nhiên, thực tế, theo Bản đồ chính quy tổng thể lập ngày 10/6/2001 phần đất của bà Y hướng đông giáp đường đi công cộng và được phê duyệt ngày 16/8/2004 phần đất của bà Y là thửa 206 tờ bản đồ số 16 có diện tích là 579,5m². Năm 2004, bà Y chuyển nhượng cho bà Lê Thị Thanh N diện tích là 91,76m², năm 2006 bà Y chuyển nhượng cho bà Phan Thị H diện tích là 11,69m². Đồng thời, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T (BL 215) và Phiếu xác nhận kết quả hiện trạng đo đạc thửa đất ngày 19/12/2020 (BL 231) cũng thể hiện phần đất của bà Y tính luôn phần đất đã chuyển nhượng cho bà H, bà N chỉ là 575,2m².

Có sự chênh lệch giảm diện tích thực tế của bà Y như nêu trên là do Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M đã lấy phần diện tích 175,5 m² đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1725 QSDĐ/UB ngày 25/7/1997 của bà Y để làm đường đi công cộng nhưng không đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố M lập thủ tục ban hành quyết định thu hồi, bồi thường cho bà Y là không phù hợp với quy định tại Điều 53 Luật đất đai năm 2013: *“Việc Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định*

của Luật này và phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải giải phóng mặt bằng”.

Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M, tỉnh T ban hành Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T ban hành Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 bác đơn khiếu nại đòi bồi thường đất của bà Nguyễn Thị Ngọc Y, là không phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2.2.3] Về yêu cầu bồi thường

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Y về việc buộc Ủy ban nhân dân Phường 10; Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và cây trồng, số tiền 1.101.360.000 đồng. Do yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường 10; Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T phải lập thủ tục thu hồi, bồi thường đất để mở rộng đường công cộng liên thôn cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y theo đúng quy định của pháp luật nên Ngọc Y yêu cầu về bồi thường nêu trên của bà Y sẽ được xem xét theo chính sách pháp luật cụ thể tại thời điểm thu hồi đất. Do đó, bà Nguyễn Thị Ngọc Y khởi kiện Ngọc Y yêu cầu được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và cây trồng, số tiền 1.101.360.000 đồng, là chưa có cơ sở để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc Y, chấp nhận một phần Ngọc Y yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Y về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2843/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T và Quyết định giải quyết khiếu nại số 42/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M, tỉnh T; Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y không phải chịu do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Những người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y không phải chịu do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc Y;

Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Y: Hủy Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M, tỉnh T; Hủy Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Y về việc buộc Ủy ban nhân dân Phường 10; Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và cây trồng là 1.101.360.000 đồng.

- Buộc Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M, tỉnh T; Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc lập thủ tục thu hồi, bồi thường đất để mở rộng đường công cộng liên tổ 14, 15, khu phố 4, Phường 10, thành phố M, tỉnh T cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y không phải chịu. Hoàn lại cho bà Y số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001458 ngày 08/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T;

Những người bị kiện: Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố M; Ủy ban nhân dân thành phố M; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh T, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Về án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y không phải chịu. Hoàn lại cho bà Y số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001696 ngày 13/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh